

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-PT

Ngày 17 - 6 - 2020

V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Tuấn Long.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Hải.

Ông Lò Văn Diệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLPT-TC ngày 18 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B. Địa chỉ: Bản T, xã CK, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y. Địa chỉ: Bản T, xã CK, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn ông Lữ Văn S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B trình bày:

Ngày 22/11/1999, gia đình ông bà được Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 126250, vào sổ

cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00250/QSĐĐ/503/QĐ-UB mang tên Hà Văn N, tổng diện tích đất được sử dụng là 18.160m², trong đó có thửa đất số 255A thuộc tờ bản đồ số 329429-7c, diện tích 84m², loại đất LN, vị trí tại bản T, xã CK, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Năm 2006, gia đình ông Lữ Văn S và bà Mè Thị Y là hộ liền kề không có đất để làm nhà bếp nên có mượn của ông bà 16,14m² đất thuộc thửa đất số 255A để xây dựng nhà bếp. Việc mượn đất của hai bên chỉ trao đổi bằng miệng, không lập thành văn bản.

Năm 2016, Nhà nước quy hoạch đường dân sinh từ thị trấn Yên Châu đến xã Chiềng Khoi qua khu đất của gia đình ông bà đang sử dụng. Gia đình ông bà đã bị thu hồi 36m² đất thuộc thửa đất số 255A và được đền bù 900.000đ. Sau khi bị thu hồi, diện tích thửa đất số 255A của ông bà chỉ còn lại 48m² nên ông bà nhiều lần đề nghị ông S, bà Y trả lại 16,14m² đất mượn để làm nhà bếp; ông bà cũng đã có đơn đề nghị Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu giải quyết nhưng không thành. Do đó, ông bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y phải tháo dỡ nhà bếp và trả lại 16,14m² đất mượn cho ông bà.

Bị đơn ông Lữ Văn S và bà Mè Thị Y trình bày:

Trước năm 1995, khu đất mà hiện nay gia đình ông bà đang sử dụng là của ông Lò Văn Ph và bà Quảng Thị Nh. Sau khi ông Ph chuyển đi nơi khác thì ông Lữ Văn N và bà Hoàng Thị Đ (bố mẹ ông S) có sử dụng đất để làm vườn rau. Đến năm 1995, vợ chồng ông bà ra ở riêng và được ông N, bà Đ cho thửa đất làm vườn rau giáp với đất của ông Hà Văn N (bố ông Hà Văn N) để dựng nhà. Năm 1999, ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 128361 mang tên Lữ Văn S, tổng diện tích đất được sử dụng là 8.492m², trong đó có thửa đất số 255, diện tích 120m², thuộc tờ bản đồ số 329429-7c, loại đất thổ cư và thửa đất số 255A, diện tích 84m² loại đất V cũng được thể hiện trong sơ đồ trích lục hình thể thửa đất ở. Ông bà đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai gần 20 năm kể từ khi dựng nhà.

Năm 2016, Nhà nước thu hồi 107m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 255 của ông bà để mở rộng đường, ông bà đã chấp hành, dỡ nhà để bàn giao đất, riêng phần nhà bếp do không ảnh hưởng đến việc thi công nên ông bà vẫn để lại. Ông bà cho rằng thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của bố mẹ ông S cho và đã được thể hiện trong sơ đồ trích lục hình thể thửa đất của gia đình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1999 nên ông bà không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B về việc buộc ông bà phải tháo dỡ nhà bếp và trả lại diện tích đất đang tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 147, 155, 156, 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” đối với ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y.

Buộc ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ 01 nhà bếp bằng gỗ, mái lợp Pro xi măng để trả lại cho vợ chồng ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B diện tích đất lấn chiếm là 15,75m² tại bản Tùm, xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa đất số 255A, tờ bản đồ số 329429-7c, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 126250 mang tên Hà Văn N do Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp ngày 22/11/1999, cụ thể như sau:

Phía Nam giáp đường có chiều dài 3,50m; phía Bắc giáp đất thổ cư của ông S, bà Y có chiều dài 4,50m; phía Đông có chiều dài 3,50m; phía Tây liền đất vườn của ông N, bà B có chiều dài 4,50m.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn xử lý chi phí tố tụng, quyết định án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/11/2019, ông Lữ Văn S là bị đơn kháng cáo không nhất trí với toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo ông Lữ Văn S giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B.

Bị đơn bà Mè Thị Y nhất trí với ý kiến của ông Lữ Văn S, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, chấp nhận kháng cáo của ông S.

Nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B không nhất trí với nội dung kháng cáo của ông Lữ Văn S và ý kiến của bà Mè Thị Y, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông S và giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị:

Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp đất đai giữa nguyên đơn ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B với bị đơn ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y là tranh chấp đất đai mà ông N, bà B đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La hòa giải nhưng không thành. Ngày 25/3/2019, ông N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Yên Châu nên Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo đơn khởi kiện của ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B là có căn cứ, đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai và các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc yêu cầu phản tố của bị đơn:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Sau khi được Tòa án nhân dân huyện Yên Châu thông báo về việc thụ lý vụ án thì bị đơn ông Lữ Văn S có nộp cho Tòa án văn bản “Ý kiến yêu cầu phản tố” đề ngày 10/4/2019 nhưng đây chỉ là văn bản ghi ý kiến của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B; tại các đơn đề nghị, bản tự khai và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông S cũng chỉ đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm xem xét về nguồn gốc của thửa đất đang tranh chấp và tiến hành đo đạc đối với toàn bộ diện tích đất của cả hai bên, trên cơ sở đó điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông để gia đình ông được sử dụng thửa đất đang tranh chấp. Xét các văn bản ghi ý kiến và đơn đề nghị của ông S trong quá trình giải quyết vụ án đều không có nội dung yêu cầu phản tố theo quy định tại khoản 2 Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện các thủ tục để thụ lý và xem xét đối với yêu cầu phản tố của ông S là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 200 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc định giá đất và tài sản trên đất đang tranh chấp:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Yên Châu đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng không tiến hành định giá đối với đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là thiếu sót. Tuy nhiên, Tòa án cấp phúc thẩm đã có Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 04/2020/QĐ-UTTA ngày 11/02/2020 ủy thác cho Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành định giá đối với đất và tài sản trên đất đang tranh chấp. Kết quả định giá tài sản xác định: Tài sản là đất trị giá 630.000đ; tài sản là nhà và vật kiến trúc trên đất trị giá 11.104.000đ. Tổng cộng 11.734.000đ. Xét việc định giá tài sản của Tòa án cấp sơ thẩm được thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; kết quả định giá

đã được thông báo cho các đương sự và không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên việc định giá tài sản đang tranh chấp mà Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B xác định khoảng năm 2006, ông bà có cho bị đơn ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y mượn 16,14m² (kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định là 15,75m²) đất để làm nhà bếp. Sau khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án mở rộng tuyến đường thị trấn Yên Châu - Xã Chiềng Khoi, ông bà đã nhiều lần đòi lại diện tích đất nêu trên nhưng ông S, bà Y không trả. Do đó, ông bà đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y phải tháo dỡ nhà bếp để trả lại diện tích đất mượn của ông bà là một phần thửa đất số 255A, thuộc tờ bản đồ 329429-7c, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 126250 mang tên Hà Văn N do Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp ngày 22/11/1999.

Bị đơn ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B và cho rằng thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc là của ông Lò Văn Ph. Sau khi ông P không sử dụng đất nữa thì bố mẹ ông Sáng là ông Lữ Văn N và bà Hoàng Thị Đ sử dụng để làm vườn rau; năm 1995, ông N, bà Đ cho vợ chồng ông bà sử dụng đất để làm nhà ở. Đến năm 1999 thì ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 128361 mang tên Lữ Văn S và thửa đất số 255A, diện tích 84m², loại đất vườn cũng được thể hiện trong sơ đồ trích lục hình thể thửa đất ở của gia đình ông bà do Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp ngày 22/11/1999.

Xét thấy, ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y mượn phần diện tích đất đang tranh chấp. Căn cứ vào nguồn gốc ông S bà Y đã sử dụng diện tích đất đang tranh chấp từ năm 1995 và đã xây dựng nhà bếp từ năm 2000 nhưng đến năm 2018 mới xảy ra tranh chấp, phù hợp với lời khai của bà Quàng Thị N (vợ ông Lò Văn Ph (đã chết) về việc thửa đất đang tranh chấp là do vợ chồng ông bà khai phá, tại thời điểm đó, phía dưới mảnh đất có ông Lữ Văn N (bố của ông Sg) dựng nhà ở; phù hợp với biên bản xác minh về nguồn gốc đất đang tranh chấp đối với người làm chứng và biết sự việc. Năm 1999, ông S bà Y được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 128361 mang tên Lữ Văn S, tổng diện tích đất được sử dụng là 8.492m², trong đó có thửa đất số 255, diện tích 120m², thuộc tờ bản đồ số 329429-7c, loại đất thổ cư và thửa đất số 255A, diện tích 84m² loại đất vườn cũng được thể hiện trong Sơ đồ trích lục hình thể thửa đất ở. Ông S bà Y đã sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai gần 20 năm kể từ khi xây dựng nhà ở. Phù hợp với Quyết định số 1792/QĐ- UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu về việc thu hồi 107m² đất thổ cư thuộc thửa đất số 255 của ông S bà Y để mở rộng đường, ông S bà Y đã chấp hành, dỡ nhà để bàn giao đất, riêng phần nhà bếp do không ảnh hưởng đến việc thi công nên ông S bà Y vẫn để lại; phù hợp với kết quả thẩm định xem xét

tại chỗ của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu và thực tế là ông S bà Y vẫn đang quản lý, sử dụng thửa đất liền kề; phù hợp với lời trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của nguyên đơn ông Hà Văn N xác nhận bức tường rào ranh giới ngăn cách đất giữa hai hộ gia đình là do ông N xây dựng trước thời điểm xảy ra tranh chấp và sau khi xảy ra tranh chấp thì ông N mới tháo dỡ bức tường rào; phù hợp với lời trình bày của bị đơn ông Lữ Văn S về bức tường rào ngăn cách ranh giới đất giữa hai hộ gia đình.

Từ sự phân tích, nhận định nêu trên xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B, buộc bị đơn ông Lữ Văn S và bà Mè Thị Y phải tháo dỡ nhà bếp để trả lại diện tích đất đang tranh chấp cho nguyên đơn là không có căn cứ, chưa đúng quy định của pháp luật. Do đó, cần chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Lữ Văn S, sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm.

Căn cứ vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hà Văn N và gia đình ông Lữ Văn S thì chỉ có ông N thực hiện việc kê khai và đăng ký quyền sử dụng đối với thửa đất số 255A, diện tích 83,9m², thuộc tờ bản đồ 329429-7c nhưng không thể hiện trong sơ đồ trích lục hình thể thửa đất mà chỉ thể hiện tại bảng liệt kê các thửa đất được sử dụng. Trong sơ đồ trích lục hình thể thửa đất ở (tại trang 3) của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 128361 mang tên Lữ Văn S có thể hiện thửa đất số 255A, loại đất V, diện tích 84m² nhưng tại Bảng liệt kê các thửa đất mà ông S được quyền sử dụng (tại trang 1) của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lại không có thửa đất số 255A. Sau khi thực hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thì gia đình ông S và ông N đều được bàn giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một ngày nhưng trong suốt quá trình sử dụng đất (kể từ năm 1999 cho đến nay), gia đình ông S và ông N không có ý kiến hay khiếu kiện, khiếu nại gì đối với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu. Do đó cần kiến nghị UBND huyện Yên Châu chỉnh lý lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông N và ông S cho phù hợp với diện tích đất thực tế 02 gia đình đang quản lý và sử dụng.

Đối với yêu cầu của bị đơn ông Lữ Văn S về việc tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Hà Văn N đối với thửa đất số 255A, diện tích 84m²: Xét yêu cầu này của ông S được đưa ra tại cấp phúc thẩm, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B không được chấp nhận; kháng cáo của bị đơn ông Lữ Văn S được chấp nhận và giữa các đương sự không có thỏa thuận khác nên nguyên đơn ông N bà B phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí:

Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn ông Lữ Văn S không phải chịu

án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Lữ Văn S, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2019/DS-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B về “Tranh chấp quyền sử dụng đất” buộc ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y phải tháo dỡ, di chuyển toàn bộ 01 nhà bếp bằng gỗ, mái lợp Pro xi măng để trả lại cho ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B 15,75m² đất là tại bản T, xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, thuộc thửa đất số 255A, tờ bản đồ số 329429-7c, đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 126250 mang tên Hà Văn N do Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La cấp ngày 22/11/1999. Tứ cận thửa đất:

Phía Nam giáp đường có chiều dài 3,50m; phía Bắc giáp đất thổ cư của ông Sáng, bà Yến có chiều dài 4,50m; phía Đông có chiều dài 3,50m; phía Tây liền đất vườn của ông Nam, bà Bình có chiều dài 4,50m.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông Hà Văn N, bà Lữ Thị B và gia đình ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y theo diện tích đất thực tế mà 02 gia đình đang quản lý và sử dụng.

3. Về chi phí tố tụng:

Ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B phải chịu 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đã nộp đủ) và phải hoàn trả cho ông Lữ Văn S, bà Mè Thị Y 1.000.000đ (Một triệu đồng) tiền chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí:

Ông Hà Văn N và bà Lữ Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0002512 ngày 29/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Ông Lữ Văn S không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được trả trả lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0004758 ngày 22/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày

17/6/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- TAND huyện Yên Châu;
- Chi cục THADS huyện Yên Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Phòng KTNV&THA;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án..

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Tuấn Long